

Số: 26 /2024/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 2 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông báo kết luận số 2453-TB/TU ngày 19/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phiên họp thứ 18/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2606/TTr-STC ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Công văn số 2823/STC-GCS ngày 05 tháng 9 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước.

2. Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá mua xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này. Giá mua xe là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có). Chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe,... Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm xe ô tô chuyên dùng; quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng và chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị và quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 09 năm 2024 và thay thế Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Bình Phước;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Như Điều 4;
- LĐVP, CV, HCTC, TH;
- Lưu: VT.

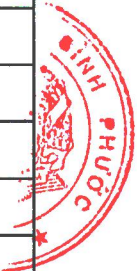


Trần Tuệ Hiền



Phụ lục I
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 05 / 9 /2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị sử dụng	Chủng loại	Tiêu chuẩn, định mức (Chiếc)
A	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		79
I	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh		53
1	Ủy ban MTTQVN tỉnh	Xe bán tải	1
2	Sở Khoa học và Công nghệ	Xe bán tải	1
3	Sở Giao thông vận tải		8
	Sở Giao thông vận tải	Xe 05 chỗ	1
	Thanh tra giao thông	Xe 07 chỗ	3
		Xe bán tải	1
		Xe tải	3
4	Sở Lao động - Thương binh & Xã hội		2
	Cơ sở cai nghiện ma túy	Xe cứu thương	1
	Trung tâm bảo trợ xã hội	Xe cứu thương	1
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		16
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xe bán tải	1
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Xe bán tải	1
	Chi cục Thủy Lợi	Xe bán tải	1
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	Xe bán tải	1
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Xe bán tải	1
	Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp	Xe bán tải	1
	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai	Xe bán tải	1
	Chi cục Kiểm lâm	Xe bán tải	2
	Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 1, số 2	Xe bán tải	2
	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú	Xe bán tải	1
	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng	Xe bán tải	1
	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp	Xe bán tải	1
	Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh	Xe bán tải	1
	Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị Bù Gia Mập - Phước Long	Xe bán tải	1
6	Sở Văn hóa - Thể thao & Du lịch		7
	Trung tâm Văn hóa tỉnh	Xe bán tải	3
		Xe tải	1



STT	Tên cơ quan, đơn vị sử dụng	Chủng loại	Tiêu chuẩn, định mức (Chiếc)
	Thư viện tỉnh	Xe tải	1
	Đoàn Ca múa nhạc dân tộc	Xe >16 chỗ	1
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT -	Xe >16 chỗ	1
7	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập		3
		Xe bán tải	2
		Xe bồn tưới, phun nước	1
8	Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước		7
		Xe tải	2
		Xe bán tải	3
		Xe 05 chỗ	1
		Xe > 16 chỗ	1
9	Ban Quản lý Khu kinh tế		4
	Ban Quản lý Khu kinh tế	Xe 07 chỗ	1
	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng CNC	Xe bán tải	1
	Trung tâm Khai thác hạ tầng KCN	Xe chữa cháy	2
10	Ban An toàn giao thông tỉnh	Xe tải	3
11	Tỉnh Đoàn	Xe 07 chỗ	1
II	Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước		26
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước	Xe bán tải	1
2	Công ty TNHH MTV DVTH Xổ số kiến thiết Bình Phước		4
		Xe bán tải	1
		Xe tải	1
		Xe 7 chỗ	2
3	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước		21
		Xe bán tải	7
		Xe tải	9
		Xe ben, xe cuốc, xe nâng	5
B	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN		55
1	Thành phố Đồng Xoài		17
	Xí nghiệp Công trình công cộng	Xe thu gom, ép rác	5
		Xe quét đường, hút bụi rác	2
		Xe thang, cầu	1
		Xe bồn tưới, phun nước	1
		Xe xít thông cống, hút chất thải, chở bùn	3
		Xe tải	2



STT	Tên cơ quan, đơn vị sử dụng	Chủng loại	Tiêu chuẩn, định mức (Chiếc)
	Đội Quản lý trật tự đô thị	Xe tải	1
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	Xe tải	1
	Ban quản lý Chợ Đồng Xoài	Xe tải	1
2	Thị xã Bình Long		2
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Đài TTTH	Xe bán tải	1
		Xe tải	1
3	Thị xã Phước Long		10
	Xí nghiệp Công trình đô thị	Xe thu gom, ép rác	4
		Xe quét, hút bụi rác	2
		Xe thang, cầu	1
		Xe bồn tưới, phun nước	1
		Xe xịt thông cống, hút chất thải, chở bùn	1
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài TTTH	Xe tải	1
4	Huyện Đồng Phú		1
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	Xe tải	1
5	Thị xã Chơn Thành		5
	Đội Quản lý đô thị	Xe thu gom, ép rác	2
		Xe quét, rửa đường	1
		Xe cầu	1
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	Xe tải	1
6	Huyện Bù Đăng		2
	Phòng Văn hóa và Thông tin	Xe tải	1
	Ban QL rừng phòng hộ Bù Đăng	Xe bán tải	1
7	Huyện Bù Đốp		4
	Đài TTTH	Xe tải	0
	Trung tâm Văn hóa - TDTT	Xe tải	1
	Đội Quản lý công trình đô thị	Xe thu gom rác	1
		Xe cuốn, ép rác	1
		Xe bồn tưới, phun nước	1
8	Huyện Lộc Ninh		8
	Đội Quản lý công trình đô thị	Xe thu gom, ép rác	4
		Xe bồn tưới, phun nước	1
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Đài TTTH	Xe tải	1
	Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh	Xe bán tải	1



STT	Tên cơ quan, đơn vị sử dụng	Chủng loại	Tiêu chuẩn, định mức (Chiếc)
	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết	Xe bán tải	1
9	Huyện Hớn Quản		1
	Phòng Văn hóa và Thông tin	Xe tải	1
10	Huyện Phú Riềng		3
	Phòng Văn hóa và Thông tin	Xe tải	1
	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Xe thu gom, ép rác	2
11	Huyện Bù Gia Mập		2
	Đội Quản lý công trình đô thị	Xe thu gom rác	1
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	Xe tải	1
C	UBND các phường, thị trấn		
	Mỗi phường, thị trấn	Xe tải < 01 tấn	1

* **Ghi chú:** Xe ô tô bán tải, 05 chỗ, 07 chỗ quy định trên được gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.



Phụ lục II
MỨC GIÁ TỐI ĐA MUA XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 05/9 /2024 của UBND tỉnh)

Stt	Chủng loại xe	Mức giá tối đa (đồng/xe)
1	Xe cứu thương	1.200.000.000
2	Xe bán tải	950.000.000
3	Xe tải < 1 tấn	500.000.000
4	Xe tải từ 1 tấn đến 1,5 tấn	600.000.000
5	Xe tải từ 1,5 tấn đến 2,5 tấn	650.000.000
6	Xe tải từ 2,5 tấn đến 3,5 tấn	900.000.000
7	Xe tải trên 3,5 tấn; xe tải nâng cấp	1.100.000.000
8	Xe từ 16 chỗ trở xuống	1.600.000.000
9	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi	1.600.000.000
10	Xe trên 24 đến 30 chỗ ngồi	1.800.000.000
11	Xe trên 30 đến 45 chỗ ngồi	2.500.000.000
12	Xe thu gom, ép rác; Xe quét đường, hút bụi rác; Xe thang, cầu; Xe bồn tưới, phun nước; Xe xịt thông cống, hút chất thải, chở bùn; Xe nâng; Xe ben; Xe cuốc; Xe cần cẩu; Xe máy kéo gắn Romoc; Xe ô tô gắn Romoc; Xe ô tô chữa cháy...	UBND tỉnh quyết định giá mua xe tại thời điểm mua sắm (phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng)

* **Ghi chú:** Giá mua xe ô tô chuyên dùng do UBND tỉnh ban hành được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng (quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ)

